



# MỐI QUAN HỆ GIỮA HOẠT ĐỘNG CỦA NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI VÀ TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ



ThS. Nguyễn Tuấn Anh \*

**N**gân hàng thương mại (NHTM) là một loại hình doanh nghiệp kinh doanh trên lĩnh vực tiền tệ và tín dụng. Nếu xét trên phương diện những loại hình dịch vụ mà ngân hàng cung cấp thì ngân hàng được hiểu là: những tổ chức tài chính cung cấp một danh mục các dịch vụ tài chính đa dạng nhất - đặc biệt là tín dụng, tiết kiệm và dịch vụ thanh toán và thực hiện nhiều chức năng tài chính nhất so với bất kỳ một tổ chức kinh doanh nào trong nền kinh tế. Từ vai trò ngày càng quan

trọng của dịch vụ ngân hàng, ngân hàng đã được coi là bà đỡ của nền kinh tế. Bài viết này tập trung phân tích một số tác động hoạt động của hệ thống NHTM đến tăng trưởng kinh tế Việt Nam trong mấy năm qua và đề xuất một số các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống NHTM tới nền kinh tế.

**Khái quát về tăng trưởng kinh tế và tác động của NHTM đến tăng trưởng kinh tế**

Tăng trưởng kinh tế được hiểu là sự gia tăng GDP của nền kinh tế trong một thời kỳ nhất định,

thường là trong 01 năm. Sự gia tăng này được đánh giá trên hai góc độ: số tuyệt đối và số tương đối. Xét trên góc độ số tuyệt đối, tăng trưởng kinh tế được phản ánh thông qua quy mô GDP tăng thêm. Về số tương đối, tốc độ tăng GDP cho thấy tăng trưởng kinh tế là nhanh hay chậm. Tăng trưởng kinh tế thường chịu ảnh hưởng của các nhân tố:

- *Các nhân tố định lượng:* bao gồm các nhân tố ảnh hưởng đến tổng cầu (AD) như: chi cho tiêu dùng (C), chi đầu tư (I), chi tiêu

\* NHNo&PTNT Việt Nam

của Chính phủ (G) và chi qua hoạt động xuất nhập khẩu (NX); cũng như các nhân tố làm biến động tổng cung (AS) gồm: vốn (K), lao động (L), tài nguyên (R), khoa học - công nghệ (T).

- *Các nhân tố định tính*: thể chế kinh tế - chính trị, đặc điểm văn hóa - xã hội, đặc điểm tôn giáo, địa vị các thành viên trong cộng đồng và khả năng tham gia của họ vào quản lý phát triển đất nước.

Như vậy, hoạt động của hệ

giấy tờ có giá, tích tụ chúng và cho vay lại nền kinh tế. Như vậy, thay vì bị rút khỏi lưu thông, tồn tại dưới dạng cất trữ, tiền được chuyển thành vốn đầu tư, sinh lời. Thông qua hệ thống NHTM, các dòng vốn được hình thành và luân chuyển một cách dễ dàng, thông suốt hơn trong nền kinh tế. Một số bộ phận của các dòng vốn này có liên quan trực tiếp đến tăng trưởng kinh tế, như các khoản đầu tư vào sự phát triển cơ sở hạ tầng,

những doanh nghiệp hay dự án có khả năng thu hồi nợ, có hiệu quả để cho vay. Nhờ quá trình sàng lọc tín dụng, vốn trong nền kinh tế được tập trung vào những khu vực có khả năng sinh lời cao, mang lại nhiều lợi ích. Những lĩnh vực hay ngành nghề kém hiệu quả sẽ không nhận được vốn. Nhờ các trung gian tài chính này, vốn được phân bổ hữu hiệu giữa các ngành, các lĩnh vực.

(3) *Giảm chi phí, tối thiểu hóa rủi ro.*

Việc chuyển dịch vốn diễn ra trực tiếp giữa các chủ thể thặng dư và thiếu hụt vốn đòi hỏi phải tiêu tốn rất nhiều chi phí của cả hai bên: thu thập và xử lý thông tin, chi phí về thời gian, trong nhiều trường hợp, các nhu cầu này không thể tương thích và giao dịch không thể diễn ra. Xét đến cùng, những chi phí phát sinh như vậy gây thiệt hại cho toàn bộ nền kinh tế vì làm lãng phí, tổn thất nguồn lực. Các NHTM với tư cách là những tổ chức trung gian tài chính, có thể giảm thiểu tới mức thấp nhất những chi phí này. NHTM thu thập và nắm giữ thông tin về một lượng lớn người có nhu cầu về vốn cũng như những người khác sẵn sàng cung ứng vốn. Cũng do được chuyên môn hóa, NHTM có các nghiệp vụ kỹ thuật để san sẻ và phân tán rủi ro. Họ có khả năng thu thập được lượng lớn thông tin liên quan đến số lượng đông đảo các



thống NHTM tác động tới tăng trưởng kinh tế thông qua cung ứng vốn (K) và được thể hiện qua các yếu tố sau:

(1) *Khuyến khích tiết kiệm, góp phần hình thành và hỗ trợ các dòng vốn luân chuyển.*

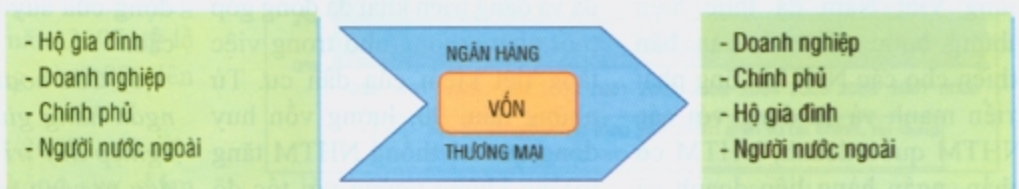
Trong nền kinh tế luôn xuất hiện những chủ thể ở tình trạng thặng dư tạm thời. Họ có nhu cầu đầu tư để bảo toàn vốn và sinh lời. Tuy vậy, không phải ai cũng có cơ hội thực hiện điều đó. Các NHTM huy động những khoản vốn này dưới nhiều hình thức: nhận tiền gửi, phát hành

nhưng hầu hết các bộ phận khác chỉ đơn thuần làm tăng nguồn lực vốn trong quan hệ với lợi tức tài chính của các khoản đầu tư, cả trong các khoản đầu tư nợ lẫn đầu tư vốn chủ sở hữu.

(2) *Phân bổ vốn hữu hiệu giữa các ngành, các lĩnh vực.*

NHTM về bản chất là các doanh nghiệp, kinh doanh vì mục tiêu tối đa hóa giá trị tài sản của chủ sở hữu. Họ phải lựa chọn

Hình 1: Mô tả kênh tín dụng ngân hàng



đối tượng khác nhau, có thể giảm sát các khoản tín dụng, giảm các nguy cơ về rủi ro đạo đức cũng như thông tin không cân xứng.

(4) *Hỗ trợ đổi mới công nghệ nâng cao hiệu quả sản xuất.*

NHTM ảnh hưởng đến tăng trưởng bằng cách làm thay đổi tỷ lệ tiết kiệm và thông qua sự tài trợ vốn cho các doanh nghiệp trong việc mở rộng sản xuất cả về chiều rộng và chiều sâu, mà chủ yếu là đầu tư vào công nghệ, nâng cao sức cạnh tranh của doanh nghiệp. Sự biến đổi công nghệ vì vậy chịu sự tác động từ vai trò của các hệ thống tài chính.

(5) *Hoạt động của NHTM góp phần nâng cao môi trường kinh doanh, xây dựng văn hóa kinh doanh đối với các doanh nghiệp.*

Việc NHTM tham gia sâu vào các hoạt động của nền kinh tế như hoạt động góp vốn, tư vấn... cũng tạo ra những hiệu ứng tích cực cho sự đổi mới phong cách làm việc của những chủ thể này. Bản thân NHTM là những tổ chức hoạt động chuyên nghiệp, với hệ thống công nghệ hiện đại, mạng lưới thông tin rộng khắp. Sự năng động và phong cách chuyên nghiệp, minh bạch của ngành Ngân hàng giúp các tổ chức, cá nhân khác trong nền kinh tế hình thành tác phong công nghiệp chuyên nghiệp và văn hóa kinh doanh.

#### **Một số tác động hoạt động của NHTM đến tăng trưởng kinh tế của Việt Nam**

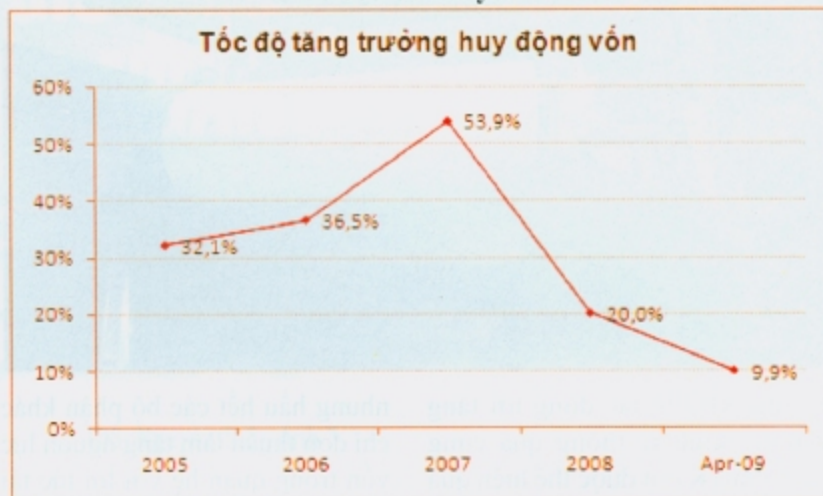
Từ năm 1988, hệ thống ngân hàng Việt Nam đã thực hiện những bước đổi mới căn bản khiến cho các NHTM cũng phát triển mạnh và đa dạng với các NHTM quốc doanh, NHTM cổ phần, ngân hàng liên doanh và

chi nhánh ngân hàng nước ngoài. Hệ thống ngân hàng đang không ngừng cải thiện và áp dụng công nghệ hiện đại và đã giải quyết được hai vấn đề kinh niên của những năm trước đây: nợ quá hạn trước đây có lúc lên đến từ 15 - 20% thì hiện nay chỉ đang xoay ở mức 3%. Tình trạng thiếu vốn đã được giải quyết bằng nhiều phương thức tăng vốn điều lệ. Các NHTM nhà nước tuy lớn nhưng đang bị cạnh tranh gay gắt từ các NHTM cổ phần trên phương diện về thị phần, công

nhanh và vững chắc. Do sự ổn định giá trị đồng Việt Nam cùng với việc giảm mức lạm phát từ phi mã xuống còn 1 con số, các NHTM Việt Nam đã phát huy được hiệu quả trong chiến lược huy động vốn từ dân chúng. Lượng vốn huy động của toàn hệ thống qua các năm đều tăng với mức trung bình từ 25-30%/năm.

Từ năm 2008, tình hình huy động vốn của các NHTM giảm sút rõ rệt; theo số liệu từ Ngân hàng Nhà nước, tổng số dư tiền gửi của khách hàng tại các tổ

**Biểu 1: Tình hình huy động vốn của các NHTM từ năm 2005 đến nay**



(Nguồn: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

nghệ và các sản phẩm, dịch vụ mới... Hoạt động của các NHTM đã tác động đến tăng trưởng kinh tế Việt Nam trên các lĩnh vực sau:

(1) *Huy động vốn của NHTM góp phần tăng tiết kiệm của nền kinh tế.*

Sự phát triển của các sản phẩm tiết kiệm linh hoạt mà các NHTM đã và đang triển khai đã đóng góp một phần không nhỏ trong việc tăng tiết kiệm của dân cư. Từ những năm 90, lượng vốn huy động qua hệ thống NHTM tăng trưởng không ngừng với tốc độ

chức tín dụng tháng 4/2009 tăng khoảng 3,74% so với cuối tháng trước và tăng 9,88% so với cuối năm 2008; đến hết tháng 7 tăng 20,92% so với đầu năm. Nguyên nhân là do trong năm 2008, lạm phát cao bùng phát và năm 2009, Việt Nam đã có những dấu hiệu rõ rệt về suy giảm kinh tế do tác động của suy giảm kinh tế toàn cầu.

(2) *Các hoạt động tài trợ của ngân hàng giúp cho các doanh nghiệp duy trì ổn định sản xuất, đầu tư công nghệ, thay đổi máy*

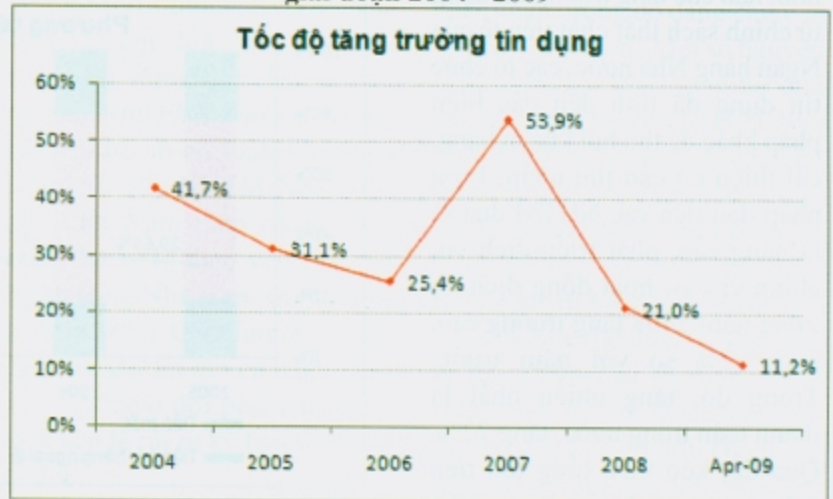
móc, nhờ đó nâng cao năng lực sản xuất của nền kinh tế. Ngoài ra, hoạt động cho vay tiêu dùng góp phần kích thích cầu tiêu dùng, qua đó góp phần tăng trưởng kinh tế.

Trong thời gian qua, hoạt động tín dụng của các NHTM đã được mở rộng tới tất cả các thành phần kinh tế, dưới các hình thức cho vay ngày một đa dạng: cho vay vốn lưu động, cho vay vốn cố định, tín dụng thuê mua,... Đặc biệt, việc chuyển hướng mở rộng cho vay tiêu dùng thực sự là một hướng kích cầu có hiệu quả. Thông qua quan hệ tín dụng của các NHTM Nhà nước với các tổ chức tín dụng trong nước thể hiện chủ yếu ở sự biến động của khoản mục cho vay, có thể thấy số lượng giao dịch giữa các tổ chức tín dụng tăng lên liên tục. Mặc dù duy trì được mức tăng trưởng dư nợ trong năm cao song các ngân hàng vẫn kiểm soát được rủi ro ở mức độ an toàn. Tỷ lệ nợ quá hạn luôn được kiểm chế ở mức thấp.

Theo con số được Ngân hàng Nhà nước công bố: “Dư nợ tín dụng năm 2008 ước tăng 21-22% so với cuối năm 2007”. Vốn tín dụng đầu tư vào khu vực dân doanh tăng 35-37%, khu vực doanh nghiệp nhà nước tăng 12-14%, lĩnh vực xuất khẩu tăng 35-37%, khu vực sản xuất tăng 34-36%, khu vực nông nghiệp và nông thôn tăng 30%. Vốn cho vay hộ nghèo và các đối tượng chính sách khác tăng 40-42%. Đến cuối năm 2008, vốn chủ sở hữu của toàn hệ thống ngân hàng tăng 30% so với cuối năm 2007, tỷ lệ an toàn vốn tăng từ 8,9% lên 9,7%.

Kết thúc quý 1/2009, với một loạt giải pháp chống suy giảm

**Biểu 2: Tình hình hoạt động tín dụng của các NHTM giai đoạn 2004 - 2009**



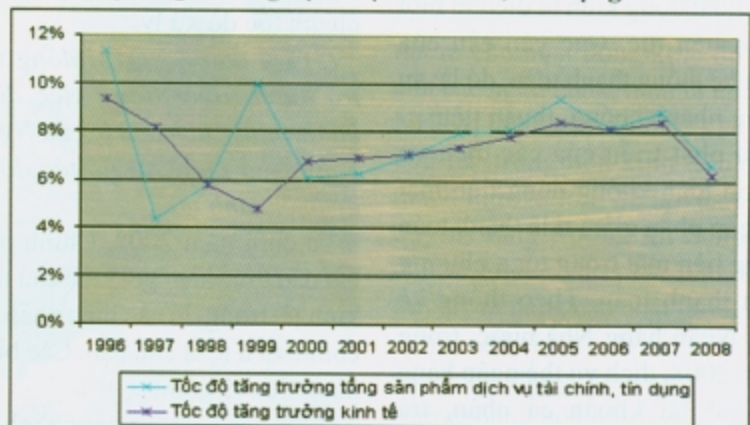
(Nguồn: Ngân hàng Nhà nước)

kinh tế của Chính phủ, trong đó có nới lỏng dần chính sách tiền tệ, dư nợ tín dụng chỉ tăng vọt 2,67% so với cuối năm 2008. Tuy nhiên, đến hết tháng 7/2009, mọi chuyện đã đảo ngược khi nguồn vốn đầu tư cho nền kinh tế từ các tổ chức tín dụng tăng khá, lên tới gần 20% so với cuối năm 2008. Theo số liệu được Ngân hàng Nhà nước công bố, nguồn vốn đầu tư cho nền kinh tế thông qua các tổ chức tín dụng tăng khoảng trên 24% so với cuối năm 2008, cá biệt một số tổ chức tín dụng còn trên 50%.

(3) Sự đóng góp của hoạt động các NHTM đến tổng thu nhập kinh tế quốc dân.

Ngoài việc tăng trưởng mạnh các hoạt động huy động và cho vay, các hoạt động có thu khác của NHTM cũng ngày càng được quan tâm và phát triển. Đây là xu hướng của các NHTM ở các nước phát triển. Đặc biệt khi các hoạt động cho vay và huy động vốn rất nhạy cảm với tình hình kinh tế vĩ mô trong nước và quốc tế, các hoạt động khác chính là “phao cứu sinh” cho các NHTM, cụ thể là:

**Biểu 3: Mối quan hệ giữa tốc độ tăng trưởng kinh tế và tốc độ tăng trưởng dịch vụ tài chính, tín dụng các năm**



(Nguồn: tính toán từ niên giám thống kê hàng năm)

Trong năm 2008, trước tình hình hạn chế tăng trưởng tín dụng từ chính sách thắt chặt tiền tệ của Ngân hàng Nhà nước, các tổ chức tín dụng đã tính đến các biện pháp khác để thu hút khách hàng, cải thiện cơ cấu thu nhập. Biện pháp đầu tiên các NHTM đưa ra là nâng cấp, phát triển dịch vụ, chính vì vậy, hoạt động dịch vụ trong năm 2008 tăng trưởng cao, tăng 67% so với năm trước. Trong đó, tăng nhiều nhất là thanh toán trong nước, tăng 72%. Qua đó, kéo theo tổng thu tiền mặt qua quỹ Ngân hàng Nhà nước trong năm 2008 tăng 76%.

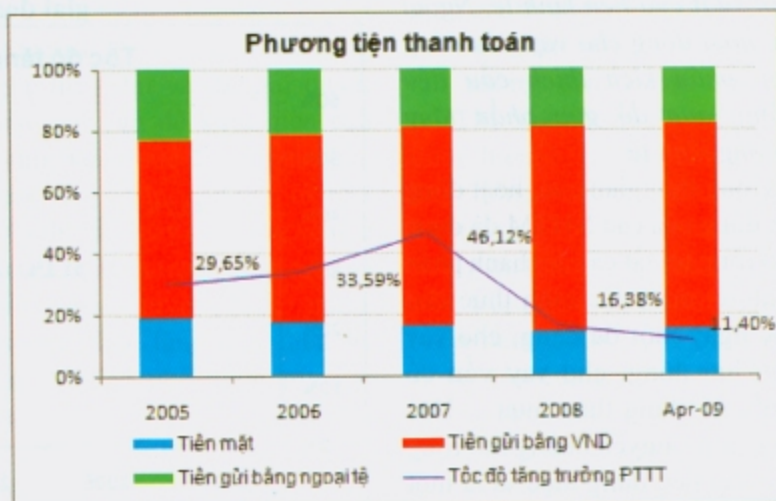
Theo biểu 3, ta thấy rằng tốc độ tăng trưởng kinh tế chung và dịch vụ tài chính, tín dụng có mối quan hệ rất chặt chẽ, đặc biệt là từ năm 2000 đến nay. Các NHTM vẫn là những tổ chức trung gian tài chính cung cấp các dịch vụ tài chính và tín dụng lớn nhất ở Việt Nam. Như vậy, cả lý thuyết và thực tế đều cho thấy rõ tác động của hoạt động NHTM đến tăng trưởng kinh tế có vị trí quan trọng hàng đầu.

*(4) Tác động của hệ thống thanh toán qua ngân hàng đến tăng trưởng kinh tế.*

Hoạt động thanh toán đóng vai trò quan trọng trong việc đảm bảo các hoạt động kinh tế diễn ra một cách liên tục. Các yêu cầu của một hệ thống thanh toán, đó là: an toàn, nhanh chóng, thuận tiện.

Sự phát triển của các dịch vụ thanh toán không dùng tiền mặt đã góp phần giảm tỉ lệ thanh toán bằng tiền mặt trong tổng phương tiện thanh toán. Theo thống kê của Ngân hàng Nhà nước, trong năm 2008, dịch vụ thẻ ngân hàng và mở tài khoản cá nhân, trả lương qua dịch vụ ngân hàng tự

**Biểu 4: Cơ cấu phương tiện thanh toán trong nền kinh tế**



(Nguồn: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

động ATM phát triển nhanh chóng. Đến nay, toàn hệ thống ngân hàng có khoảng 15 triệu tài khoản cá nhân, tăng 36% so với cuối năm 2007; số lượng thẻ trong lưu thông đạt khoảng 13,4 triệu thẻ, tăng 46% so với cuối năm 2007 với 142 thương hiệu thẻ thuộc 39 tổ chức phát hành thẻ. Hệ thống ATM có 7.051 máy, tăng 2.238 máy so với cuối năm 2007. Mạng lưới chấp nhận các phương tiện thanh toán đạt 24.760 thiết bị POS. Các hệ thống thanh toán của ngành Ngân hàng tiếp tục được ứng dụng công nghệ hiện đại hoá, tiên tiến theo hướng tự động hoá, mở rộng dịch vụ, phạm vi áp dụng và tăng nhanh tốc độ xử lý.

*(5) Hệ thống NHTM đóng vai trò quan trọng trong việc điều hành chính sách tiền tệ của Ngân hàng Nhà nước, từ đó tác động đến nền kinh tế.*

Từ cuối năm 2008, Chính phủ bắt đầu thực hiện gói kích cầu nền kinh tế, trong đó các biện pháp tài chính, tiền tệ là chủ đạo. Các biện pháp tiền tệ gồm:

Giảm lãi suất cơ bản: Tính từ

ngày 21/10 cho đến hết năm 2008, Ngân hàng Nhà nước đã 5 lần giảm lãi suất cơ bản, khiến lãi suất cơ bản đã giảm mạnh từ mức đỉnh 14%/năm (ngày 11/6) xuống còn 8,5%/năm.

Giảm tỷ lệ dự trữ bắt buộc: tính đến hết tháng 6/2009, Ngân hàng Nhà nước đã 5 lần giảm tỷ lệ dự trữ bắt buộc. Lãi suất tiền gửi dự trữ bắt buộc cũng có 2 lần điều chỉnh giảm.

Hỗ trợ lãi suất vay vốn nói chung: hỗ trợ 4% lãi suất cho vay ngắn hạn (thời hạn giải ngân khoản vay tính từ ngày 1/2/2008 đến ngày 31/12/2008) và hỗ trợ 4% lãi suất cho vay trung hạn (thời hạn giải ngân khoản vay tính từ ngày 1/4/2009 đến ngày 31/12/2011). Quy mô gói hỗ trợ lãi suất trị giá 1 tỷ đô la Mỹ, tương đương với tổng cung tín dụng khoảng 496.362 tỷ đồng.

Bảo lãnh cho doanh nghiệp vay vốn của NHTM: Ngân hàng Phát triển Việt Nam đứng ra bảo lãnh cho các doanh nghiệp có vốn điều lệ tối đa 20 tỷ đồng và sử dụng tối đa 500 lao động, trừ một số lĩnh vực kinh doanh bất động sản,

chứng khoán hay đảo nợ.

Xử lý nợ quá hạn: Không phạt nợ quá hạn đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa gặp khó khăn. Các NHTM thực hiện việc cơ cấu lại thời hạn nợ và áp dụng các giải pháp xử lý nợ vay vốn ngân hàng phù hợp với quy định của pháp luật đối với các hộ nông dân bị thiệt hại do thiên tai và các doanh nghiệp gặp khó khăn trong tiêu thụ sản phẩm.

Như vậy, nhiều biện pháp mà nhà nước áp dụng chỉ có thể phát huy hiệu quả thông qua hoạt động của các NHTM. Điều này cho thấy vai trò quan trọng của các NHTM trong chính sách kích thích tăng trưởng kinh tế.

#### **Một số hạn chế của hệ thống NHTM Việt Nam**

Thách thức lớn nhất đối với các NHTM Việt Nam nằm ở nội lực của chính các ngân hàng, với quy mô vốn nhỏ, nguồn nhân lực hạn chế, trình độ công nghệ còn có khoảng cách so với các nước trong khu vực. Mức vốn tự có trung bình của một NHTM Nhà nước là 4.200 tỷ đồng, tổng mức vốn tự có của các NHTM Nhà nước chỉ tương đương với một

ngân hàng cỡ trung bình trong khu vực. Hệ thống NHTM Nhà nước chiếm đến *trên 65% thị phần huy động vốn đầu vào và trên 63% thị phần cho vay*. Trong khi đó, hệ số an toàn vốn bình quân của các NHTM Nhà nước của Việt Nam thấp (dưới 5%), chưa đạt tỷ lệ theo yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước và thông lệ quốc tế (8%). Chất lượng và hiệu quả sử dụng tài sản có thấp (dưới 1%), lại phải đối phó với rủi ro lệch kép là rủi ro kỳ hạn và rủi ro tỷ giá.

Điểm hạn chế thứ hai của các NHTM trong nước là hệ thống dịch vụ còn đơn điệu, chất lượng chưa cao, chưa định hướng theo nhu cầu khách hàng và nặng về dịch vụ ngân hàng truyền thống. Các ngân hàng huy động vốn chủ yếu dưới dạng tiền gửi chiếm 94% tổng nguồn vốn huy động và cấp tín dụng là hoạt động chủ yếu của ngân hàng, chiếm trên 80% tổng thu nhập. Do không thể đa dạng hóa các loại hình dịch vụ ngân hàng đã khiến các NHTM Việt Nam chủ yếu dựa vào công cụ lãi suất để cạnh tranh thu hút khách hàng. Tình hình nợ xấu vẫn

có xu hướng giảm nhưng chưa chắc chắn, trong đó đáng chú ý là NHTM Nhà nước. Một số nguyên nhân dẫn đến tình trạng nợ quá hạn gia tăng tại các NHTM Nhà nước là do: việc cho vay chủ yếu dựa vào tài sản đảm bảo, trong khi thị trường bất động sản và thị trường hàng hóa chưa phát triển và còn nhiều biến động phức tạp.

Điểm hạn chế thứ ba xuất phát từ đặc điểm của thị trường tài chính nước ta. Cơ cấu hệ thống tài chính còn mất cân đối. Hệ thống ngân hàng vẫn là kênh cung cấp vốn trung và dài hạn cho nền kinh tế chủ yếu. Tính chung cả nội tệ và ngoại tệ, thì số vốn vay huy động ngắn hạn chuyển cho vay trung và dài hạn chiếm tới khoảng 50% tổng số vốn huy động ngắn hạn.

#### **Một số giải pháp nhằm phát huy vai trò của NHTM đến tăng trưởng kinh tế Việt Nam**

Để tăng cường hơn nữa tác động hoạt động của hệ thống NHTM đến quá trình tăng trưởng kinh tế ở Việt Nam cần thực hiện một số giải pháp sau đây:

##### **Phát huy vai trò chủ lực của NHTM Nhà nước**

Ở Việt Nam, hiện các NHTM Nhà nước đang trong quá trình cổ phần hóa, song vai trò chủ lực vẫn luôn được khẳng định. Nhiệm vụ đặt ra cho hoạt động kinh doanh của các ngân hàng, nhất là những NHTM Nhà nước đóng vai trò chủ lực trong nền kinh tế nhiều thách thức to lớn, đó là vừa phải duy trì tăng trưởng tín dụng và đầu tư nhưng vẫn phải bảo đảm duy trì và nâng cao chất lượng tín dụng, hạn chế tối đa rủi ro trước các biến động liên tục của thị trường hàng hóa, lãi suất, tỷ giá...

Để phát huy được vai trò chủ



đạo trong hoạt động của hệ thống NHTM, các NHTM Nhà nước cần hoạt động kinh doanh đa năng với chất lượng dịch vụ cao; năng lực tài chính lành mạnh; trình độ công nghệ, nguồn nhân lực và quản trị ngân hàng đạt mức tiên tiến theo các thông lệ chuẩn mực quốc tế.

### **Tăng cường hoạt động quản trị nội bộ của các ngân hàng**

Để tăng cường vai trò của các NHTM trong công cuộc phát triển kinh tế đất nước. Trước hết, bản thân các ngân hàng cần lành mạnh hoá hoạt động của chính bản thân mình. Trong đó, quan trọng nhất là kiểm toán nội bộ ngân hàng. Yêu cầu hội nhập WTO, sự phát triển nhanh chóng của thị trường chứng khoán cũng như các vấn đề trong quản trị cho thấy sự cần thiết của kiểm toán nội bộ ở doanh nghiệp, đặc biệt trong lĩnh vực ngân hàng.

Trước những yêu cầu cấp bách, Thống đốc Ngân hàng Nhà nước đã ban hành Quyết định số 37/2006/QĐ-NHNN, ngày 1/8/2006, yêu cầu các NHTM phải thành lập bộ phận kiểm toán nội bộ. Tuy nhiên, hiện nay có một số khó khăn khi tiến hành việc kiểm toán nội bộ: sự chông chéo về vai trò và trách nhiệm của chức năng kiểm tra, kiểm soát nội bộ và kiểm toán nội bộ; chất lượng và số lượng đội ngũ kiểm toán viên nội bộ chưa ở mức mong muốn; kiểm toán nội bộ chưa tạo được tín nhiệm đối với các bên chính có lợi ích liên quan...

### **Tăng cường hoạt động quản lý rủi ro ngân hàng**

Cũng như các doanh nghiệp khác, trong quá trình hoạt động của mình, ngân hàng cũng phải

đối mặt với các rủi ro: rủi ro thanh khoản, rủi ro tín dụng... Những rủi ro của NHTM ảnh hưởng trực tiếp tới hoạt động chung của nền kinh tế. Do vậy, việc quản lý rủi ro ngân hàng có vai trò quan trọng trong việc ổn định hoạt động ngân hàng, tránh các rủi ro, qua đó tác động tích cực đến nền kinh tế. Thực tế thời gian vừa qua, mặc dù bị tác động lớn của cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu, nhưng có vẻ như chưa có nhiều ngân hàng có ý định thay đổi cơ bản cơ cấu quản lý rủi ro của họ. Cần tiếp cận với các thông lệ quốc tế (Basel) để nâng cao năng lực quản trị rủi ro (ban hành các quy định, quy trình quản lý rủi ro, từ nhận diện, phân tích, đánh giá, quản lý và xử lý). Song song với việc này là khẩn trương hoàn thiện mô hình tổ chức và cơ chế hoạt động kiểm soát, kiểm toán nội bộ, nâng cao hiệu quả của hoạt động này.

### **Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực của ngành Ngân hàng**

Nâng cao năng lực nguồn nhân lực trong giai đoạn hiện nay trở thành một vấn đề cấp bách, nhất là yêu cầu của sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước và trong thời kỳ hội nhập kinh tế quốc tế. Yêu cầu nâng cao năng lực nguồn nhân lực trở thành yêu cầu của tất cả các ngành kinh tế nói chung và ngành Ngân hàng nói riêng.

Nếu chỉ cải thiện và nâng cao vấn đề công nghệ ngân hàng mà không chú ý tới vấn đề nguồn nhân lực thì hệ thống ngân hàng không thể phát triển được. Do vậy, cần có chiến lược phát triển nguồn nhân lực ngành Ngân hàng một cách hợp lý: Tiến hành đào tạo, đào tạo lại nguồn nhân lực, có chính sách khen thưởng/kỷ luật hợp lý...

### **Hoàn thiện hành lang pháp lý cho sự phát triển ngành Ngân hàng**

Sau một thời gian gia nhập WTO, hệ thống ngân hàng Việt Nam đã có bước chuyển biến rõ rệt theo hướng tạo ra một thị trường mở cửa và có tính cạnh tranh cao hơn, thúc đẩy khu vực dịch vụ ngân hàng tăng trưởng cả về quy mô và loại hình hoạt động, thích ứng nhanh hơn với những tác động từ bên ngoài. Từ đó có khả năng đóng góp nhiều hơn và chủ động hơn vào sự phát triển chung của nền kinh tế. Tất nhiên, bên cạnh những tác động tích cực, quá trình hội nhập kinh tế quốc tế cũng đặt ra khá nhiều thách thức cho hệ thống ngân hàng, cần phải được nhận diện đầy đủ và có những giải pháp phù hợp. Việc tạo hành lang pháp lý thuận lợi là yêu cầu cần thiết để phát triển ngành Ngân hàng. Để làm được điều đó, cần hoàn thiện các quy định có liên quan của pháp luật về tiền tệ và hoạt động ngân hàng, tiếp tục đổi mới và hoàn thiện các vấn đề liên quan đến điều hành chính sách tiền tệ (chú trọng lãi suất, tỉ giá, thị trường mở...), hoạt động thanh tra giám sát (chuyển từ thanh tra tuân thủ sang thanh tra trên cơ sở rủi ro theo các quy định của Basel), quản lý rủi ro của NHTM, việc quản lý và cấp phép thành lập ngân hàng mới... ■

### **TÀI LIỆU THAM KHẢO:**

1. NHTM, PGS.TS Phan Thu Hà, Nxb Thống Kê, Hà Nội.
2. Giáo trình kinh tế phát triển, GS.TS.Vũ Thị Ngọc Phụng, NXB Lao động - Xã hội, Hà Nội.
3. Nghiệp vụ ngân hàng hiện đại, David Cox.
4. Các Tạp chí Ngân hàng, Tạp chí Khoa học Đào tạo Ngân hàng, ...
5. Niên giám thống kê 2005-2008.